

Bản án số: 299/2024/HC-PT
Ngày: 29/7/2024
V/v “*Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Cường

- *Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Tấn Long

Ông Trương Công Thi

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đinh Thị Trang, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Thế Vinh, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 103/2024/TLPT-HC về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2024/HC-ST ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1420/2024/QĐ-PT ngày 09 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Công T, sinh năm 1957. Địa chỉ: Số B V, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- *Người bị kiện:*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Địa chỉ: Số D đường H, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn N – Phó Chủ tịch, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Bà Lê Thị Kim C – Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Q, tỉnh Quảng

Ngãi. Địa chỉ: Số D N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q. Địa chỉ: Số E đường H, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Ông Trần Hoàng T1 - Phó Chủ tịch có Văn bản số 3799/UBND-NC ngày 17/7/2024, đề nghị Tòa án phúc thẩm xét xử vắng mặt người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh Q.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Địa chỉ: Số D đường H, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Kim C - Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Địa chỉ: Xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Mạnh C1 - Chủ tịch có Văn bản số 1502/UBND-NC ngày 15/7/2024 xin xét xử vắng mặt.

3. Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Ông Đào Văn T2, Phó Chủ tịch có Văn bản số 157/UBND ngày 18/6/2024 xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người khởi kiện trình bày:

Vào năm 2003, huyện S mở đường Tỉnh lộ 623 nối dài. Vườn nhà ông Nguyễn Công T bị giải tỏa, trong vườn có 02 nhà khác nhau: (i) Phần nhà vườn của gia đình ông giải tỏa hết; (ii) phần vườn của mẹ ông là Võ Thị K bị giải tỏa một phần diện tích, còn lại nhà và vườn với diện tích 515,1m² có biên bản kiểm tra thực tế bảng áp giá bồi thường năm 2003.

Đến năm 2009, dự án mở tiếp, nên đã thu hồi hết nhà và vườn của mẹ ông và em ông. Trước đó vào năm 2006, mẹ ông tuổi già sức yếu, em ruột làm ăn xa nên bà quyết định ủy quyền cho ông đứng tên làm lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSD đất) mới. Thời điểm hiện tại nhà có 03 hộ, 03 sổ hộ khẩu riêng biệt. Năm 2009, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện S có quyết định thu hồi toàn bộ diện tích 515,1m².

Việc Nhà nước thu hồi toàn bộ diện tích đất ở của ông với tổng diện tích là 515,1m² nhưng chỉ bố trí giao cho ông 02 lô đất tái định cư với tổng diện tích là 187,5m² là chưa tương xứng với diện tích đất ở mà ông bị thu hồi nên ông đã không đồng ý với quyết định thu hồi và bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của

UBND huyện S. Theo đó, ông đã có đơn kiến nghị, yêu cầu giải quyết bố trí thêm cho ông 02 lô đất nằm ngoài khu tái định cư.

Vụ việc kiến nghị của ông đã được UBND huyện S xem xét giải quyết. Cụ thể ngày 10/7/2009, đồng chí Nguyễn T3 - Phó Chủ tịch UBND huyện S đã chủ trì buổi làm việc với ông Nguyễn Công T ở thị trấn S để bàn thống nhất việc bố trí tái định cư cho gia đình ông nhằm phục vụ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án khu tái định cư tỉnh lộ (TL) 623 nối dài, tham dự cuộc họp còn có Giám đốc Ban Q (BQL DA ĐTXDCB) huyện, Chủ tịch UBND thị trấn S. Sau khi nghe báo cáo của BQL DA ĐTXDCB huyện về các vướng mắc trong công tác quy hoạch bố trí tái định cư cho hộ ông Nguyễn Công T, yêu cầu kiến nghị của ông T về việc bố trí 02 lô tái định cư tại khu tái định cư TL 623 (nối dài) và 02 lô ngoài khu tái định cư, ý kiến của những người tham gia dự họp, thì đến ngày 31/7/2009 UBND huyện S đã ban hành Thông báo số 121/TB-UBND về việc thông báo kết luận của đồng chí Nguyễn T3 - Phó Chủ tịch UBND huyện tại buổi làm việc với hộ ông Nguyễn Công T như sau:

Thông nhất bố trí tái định cư tại chỗ cho hộ ông Nguyễn Công T 02 lô đất ở khu tái định cư TL 623 (nối dài).

Về việc ông T xin bố trí thêm đất ngoài khu vực tái định cư, UBND thị trấn S cơ bản thống nhất bố trí 01 lô ngoài khu tái định cư TL 623 (nối dài). UBND huyện S sẽ làm việc cụ thể với Đảng ủy, UBND thị trấn S xem xét giải quyết theo yêu cầu của ông T.

Yêu cầu ông Nguyễn Công T sau khi nhận tiền bồi thường, hỗ trợ phải nhanh chóng tháo dỡ nhà cửa, vật kiến trúc và bàn giao mặt bằng theo thời gian quy định của nhà nước để tiến hành thi công công trình.

Như vậy, việc kiến nghị yêu cầu bố trí thêm đất ngoài khu vực tái định cư cho ông Nguyễn Công T đã được lãnh đạo các cấp, ngành có liên quan cụ thể là UBND huyện S, UBND thị trấn S đồng ý, bằng thông báo kết luận của đồng chí Nguyễn T3 - Phó Chủ tịch UBND huyện. Thể hiện tại mục 2 Thông báo số 121/TB-UBND của UBND huyện S ngày 31/7/2009.

Chính vì kiến nghị của ông Nguyễn Công T đã được chấp thuận và xem xét giải quyết nên ông Nguyễn Công T mới đồng ý nhận tiền bồi thường, tháo dỡ nhà cửa để bàn giao mặt bằng cho dự án được thi công theo đúng tiến độ. Tuy nhiên, sau khi ông Nguyễn Công T thực hiện nghĩa vụ công dân với Nhà nước xong, bàn giao mặt bằng cho Nhà nước thi công thì việc bố trí giao cho ông Nguyễn Công T 01 lô đất nằm ngoài khu tái định cư như đã nêu tại Thông báo số 121/TB-UBND cứ kéo dài từ năm này qua năm khác mà vẫn không được thực hiện, cho đến năm 2014 ông Nguyễn Công T tiếp tục có đơn xin cấp đất đề ngày 27/02/2014 gửi UBND huyện S, sau đó được UBND huyện S trả lời tại Công văn số 122/UBND-NC ngày 27/3/2014.

Sau đó, thị trấn S sáp nhập vào thành phố Q, UBND huyện S chuyển cho UBND thành phố giải quyết, ông Nguyễn Công T đã gặp tiếp dân nhiều lần nhưng không giải quyết nêu lí do là diện tích đất của mẹ ông sau khi giải phóng mặt bằng chỉ còn 273m² cụ thể như trong Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu ngày 06/8/2021. Nhưng ông cho rằng: khi giải phóng mặt bằng năm 2003, hồ sơ đầy đủ của Trung tâm đo đạc tỉnh Q ghi rõ diện tích đất của hộ gia đình ông là 673,5m², giải tỏa 158,4m², diện tích còn lại là 515,1m²

Khi ông Nguyễn Công T gặp Bộ phận tiếp công dân tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ra Công văn số 336/UBND ngày 19/01/2018 chỉ đạo Chủ tịch UBND huyện S chủ trì, phối hợp với Chủ tịch UBND thành phố Q, làm việc cùng gia đình ông Nguyễn Công T để thống nhất giải quyết nội dung tại Mục 2 của Thông báo số 121/TB-UBND ngày 31/7/2009 của UBND huyện S.

Ngày 02/5/2018, UBND huyện S họp cùng UBND thành phố Q, đại diện Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Q, đại diện lãnh đạo UBND phường T và ông T, tại cuộc họp các cấp lãnh đạo đã thống nhất cấp cho ông Nguyễn Công T 01 lô đất có thu tiền sử dụng đất.

Sau đó, ông Nguyễn Công T thấy lâu chưa giải quyết, ông xin gặp tiếp dân tại UBND thành phố thì UBND thành phố trả lời với ông chưa nhận được báo cáo nào, ông tiếp tục gặp tiếp dân tại UBND tỉnh, cán bộ tiếp dân tỉnh nói có văn bản báo cáo rồi, đó là Báo cáo số 178/BC-UBND của UBND huyện S ngày 24/5/2018 và cán bộ phòng tiếp dân UBND tỉnh đã cung cấp cho ông T báo cáo số 178/BC-UBND này. Đến tháng 10/2018, ông gặp tiếp dân tại UBND tỉnh cán bộ Phòng tiếp công dân tỉnh cho ông một Báo cáo số 381/BC-UBND của UBND huyện S ngày 10/10/2018. Cả hai báo cáo trên của UBND huyện S đều ghi: thống nhất giao thêm cho ông 01 lô đất có thu tiền sử dụng đất thực hiện theo chỉ đạo Công văn 336/UBND của UBND tỉnh Q ngày 19/01/2018.

Như vậy, việc đồng ý giao thêm cho hộ ông Nguyễn Công T 01 lô đất có thu tiền sử dụng đất là quan điểm nhất quán của các lãnh đạo UBND huyện S, Giám đốc BQL DA ĐTXDCB huyện, Chủ tịch UBND thị trấn S vào ngày 10/7/2009; lãnh đạo UBND phường T, lãnh đạo UBND huyện S, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Q tại cuộc họp ngày 02/5/2018, và 02 (hai) lần báo cáo của UBND huyện S theo Báo cáo số 178/BC-UBND ngày 24/5/2018 và Báo cáo số 381/BC-UBND ngày 10/10/2018.

Thế nhưng, vụ việc của ông Nguyễn Công T vẫn không được xử lý. Ông tiếp tục lên gặp Bộ phận tiếp dân của UBND thành phố Q nhưng không nhận được trả lời về kết quả giải quyết hồ sơ của ông.

Đến năm 2021, ông Nguyễn Công T đã làm Đơn khiếu nại lần đầu đối với hành vi UBND thành phố Q từ chối giao thêm 01 lô đất có thu tiền sử dụng đất. Ông Nguyễn Công T nhận được Quyết định số 4571/QĐ-UBND ngày 06/8/2021

của UBND thành phố Q về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu). Trong đó, tại Điều 1 Chủ tịch UBND thành phố Q đã nêu: “*Bác nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Công T đối với hành vi của UBND thành phố Q từ chối giao thêm 01 lô đất có thu tiền sử dụng đất theo Thông báo số 121/TB-UBND ngày 31/7/2009 và Công văn số 122/UBND-NC ngày 27/3/2014 của UBND huyện S*”.

Ông Nguyễn Công T không đồng ý với nội dung giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND thành phố Q tại Quyết định số 4571/QĐ-UBND vì các lý do sau:

- Thứ nhất, nội dung được tóm tắt tại Quyết định số 4571/QĐ-UBND là không đúng. Tại Quyết định nêu:

+ “*Bà Võ Thị K (mẹ ông Nguyễn Công T) sử dụng thửa đất số 122, diện tích 2.260m², tờ bản đồ số 19, phường T, bị thu hồi với diện tích 1.987m² để xây dựng đường Tỉnh lộ 623 nối dài và được bố trí 03 lô đất tái định cư, gia đình bà Võ Thị K đã thống nhất nhận tiền bồi thường, đất tái định cư vào giao mặt bằng thi công dự án, diện tích đất còn lại 273m²”.*

+ “*Ngày 01/7/2009, UBND huyện S cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho hộ ông Nguyễn Công T đối với phần diện tích đất còn lại khi thu hồi để xây dựng đường T, diện tích đất thực tế là 515,1m² (tăng 242,1m² so với diện tích đất thu hồi còn lại 273m²).*

Diện tích đất của gia đình ông sau khi thu hồi lần 01 vào năm 2003, còn lại là 515,1m², chứ không phải còn lại 273m² và sau tăng lên 515,1m² (tăng 242,1m² so với diện tích đất thu hồi còn lại 273m²), như nhận định của Chủ tịch UBND tỉnh Q nêu trên. Diện tích 515,1m² đất này thuộc phần diện tích 673,5m² là đất thổ cư, có nhà ở, được tạo lập trước năm 1975, được sử dụng ổn định lâu dài không có tranh chấp.

Tháng 9/2009, UBND huyện S đồng ý cho ông nâng từ đất trồng cây lâu năm thành đất ở đô thị. Trên mảnh đất này có 02 nhà ở của mẹ ông và em ruột ông có hộ khẩu riêng, gia đình đồng ý cho ông đứng tên trên GCNQSD đất có giấy ủy quyền của UBND thị trấn xác nhận. Như vậy, diện tích 515,1m² đất ở đô thị của ông là hoàn toàn hợp pháp và có cơ sở xác thực đầy đủ.

Vì vậy, nội dung tại Quyết định số 4571/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố Q khi nói diện tích đất còn lại sau khi thu hồi của ông là 273m², là không chính xác.

- Thứ hai, tại Quyết định số 4571/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố Q, Chủ tịch UBND thành phố Q cho rằng Thông báo số 121/TB-UBND ngày 31/7/2009, Công văn số 122/UBND-NC ngày 27/3/2014 “*không phải là quyết định hành chính mang tính cá biệt của UBND cấp huyện về giao đất cho hộ ông Nguyễn Công T, mà là văn bản thông thường chỉ đạo, điều hành và giải*

thích pháp luật cho ông Nguyễn Công T, nên không phải là căn cứ để giao đất và cấp Giấy chứng nhận QSD đất theo quy định pháp luật”.

Ông Nguyễn Công T cho rằng tại các cuộc họp làm việc với lãnh đạo UBND thị trấn S, UBND huyện S thống nhất ông được giao thêm 01 lô đất có thu tiền sử dụng đất, cụ thể: tại Thông báo số 121/TB-UBND ngày 31/7/2009, Công văn số 122/UBND-NC ngày 27/3/2014, và tại cả 02 (hai) Báo cáo của UBND huyện S số 178/BC-UBND ngày 24/5/2018 và Báo cáo số 381/BC-UBND ngày 10/10/2018 (thực hiện theo chỉ đạo tại Công văn số 336 của UBND tỉnh ngày 24/4/2018).

Vào thời điểm 2009, diện tích đất bị thu hồi của ông là 515,1m² trong khi ông chỉ được giao 02 lô tái định cư có diện tích 187,5m², ông đã không đồng ý phương án bồi thường này nên mới đề xuất kiến nghị bố trí thêm 02 lô ngoài khu tái định cư. Tại thời điểm đó, ông được vận động bàn giao mặt bằng để cơ quan chức năng thực hiện Dự án và được giải thích bởi chính quyền địa phương tại các cuộc họp, được thống nhất tại các văn bản rằng ông sẽ được giao thêm 01 lô đất có thu tiền sử dụng đất. Đến ngày hôm nay, khi toàn bộ đất đai của ông đã bàn giao và Dự án đã được thực hiện hơn 10 năm thì Chủ tịch UBND thành phố Q lại cho rằng Thông báo số 121/TB-UBND ngày 31/7/2009, Công văn số 122/UBND-NC ngày 27/3/2014 chỉ để giải thích pháp luật và không phải là căn cứ để giao đất theo quy định pháp luật.

- Thứ ba, cũng tại Quyết định số 4571/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố Q, Chủ tịch UBND thành phố Q nêu rằng *“để giao thêm đất cho hộ ông Nguyễn Công T 01 lô đất tái định cư và nộp tiền sử dụng đất là vượt quá thẩm quyền giải quyết của UBND thành phố Q, hơn nữa từ trước đến nay cơ quan Nhà nước có thẩm quyền không có chủ trương thống nhất giao đất, mà là vận động, giải thích, xác lập hồ sơ giải quyết đơn của ông Nguyễn Công T theo quy định”.*

Ông Nguyễn Công T không đồng ý với nhận định của Chủ tịch UBND thành phố Q ở trên, bởi lẽ, trường hợp của ông không phải là thống nhất giao đất. Ông Nguyễn Công T bị thu hồi diện tích 515,1m² đất ở để phục vụ cho việc giải tỏa mặt bằng thực hiện Dự án xây dựng tỉnh lộ 623, nhưng ông chỉ được bồi thường 02 (hai) lô đất tái định cư có diện tích 187,5m² là không thỏa đáng nên ông không đồng ý. Ông Nguyễn Công T được vận động, được giải thích và được giải quyết đơn kiến nghị tại các cuộc họp với UBND thị trấn S, UBND huyện S và được các lãnh đạo đồng ý giao thêm 01 (một) lô đất ngoài khu tái định cư.

Do đó, ông không đồng ý với nội dung giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 4571/QĐ-UBND ngày 06/8/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Q về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu), nên ông đã nộp Đơn khiếu nại (lần hai) lên Chủ tịch UBND tỉnh Q.

Ông Nguyễn Công T đã khiếu nại lần hai đối với Quyết định số 4571/QĐ-UBND ngày 06/8/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Q về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu). Ngày 13/12/2021, ông được Thanh tra tỉnh Quảng Ngãi mời đối thoại với Chủ tịch UBND thành phố Q để làm rõ nội dung khiếu nại. Tại cuộc họp, ông Nguyễn Công T đã trình bày các nội dung chính về yêu cầu của ông đối với việc giải quyết hồ sơ.

Ngày 31/12/2021, ông nhận được Quyết định số 2142/QĐ-UBND đề ngày 24/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Q về việc giải quyết khiếu nại (lần hai). Trong đó, tại Điều 1 Chủ tịch UBND tỉnh Q đã nêu: *“Không công nhận nội dung khiếu nại lần hai của ông Nguyễn Công T đối với hành vi của UBND thành phố Q từ chối giao thêm 01 lô đất tái định cư theo Thông báo số 121/TB-UBND ngày 31/7/2009 và Công văn số 122/UBND-NC ngày 27/3/2014 của UBND huyện S”*.

Ông Nguyễn Công T không đồng ý với toàn bộ nội dung giải quyết khiếu nại lần hai của Chủ tịch UBND tỉnh Q tại Quyết định số 2142/QĐ-UBND vì các lý do sau:

- Thứ nhất, ông Nguyễn Công T không đồng ý với quan điểm của Chủ tịch UBND tỉnh Q khi cho rằng *“Đối với Thông báo kết luận số 121/TB-UBND ngày 31/7/2009 và Công văn số 122/UBND-NC ngày 27/3/2014 của UBND huyện S không có nội dung nào thể hiện UBND huyện S quyết định giao thêm đất tái định cư cho hộ ông T mà chỉ là lời hứa của lãnh đạo UBND huyện S về việc sẽ làm việc với Đảng ủy, UBND thị trấn S xem xét, giải quyết theo yêu cầu của ông T. Lãnh đạo UBND huyện, Đảng ủy, UBND thị trấn S không có thẩm quyền giao đất cho hộ gia đình, cá nhân mà thẩm quyền là của UBND cấp huyện theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật Đất đai năm 2003 (nay là khoản 2 Điều 59 Luật Đất đai năm 2013)”*.

Tại thời điểm nhận Thông báo số 121/TB-UBND ngày 31/7/2009 và Công văn số 122/UBND-NC ngày 27/3/2014 của UBND huyện S, ông không có nghĩa vụ phải đi xác thực, kiểm tra xem thẩm quyền của lãnh đạo UBND huyện S, UBND thị trấn S là đến đâu, có được giao đất cho hộ gia đình, cá nhân hay không mà đó là trách nhiệm, nghĩa vụ phải tự xác định và tuân thủ quy định pháp luật của người lãnh đạo, các cán bộ nhà nước.

Ông Nguyễn Công T cho rằng ông không có bất kỳ lỗi nào trong việc hiểu sai các nội dung được giải thích, truyền đạt của UBND huyện S, UBND thị trấn S. Vì thế, ông không thể chịu trách nhiệm cho việc mình không có lỗi được. Việc UBND huyện S ra văn bản và có nội dung thống nhất đề xuất giao cho ông 01 lô đất được xem là ý kiến chấp thuận của cấp có thẩm quyền. Và ông Nguyễn Công T không đồng tình với quan điểm của Chủ tịch UBND tỉnh Q rằng đó chỉ là một lời hứa.

- Thứ hai, Chủ tịch UBND tỉnh Q cho rằng Thông báo số 121/TB-UBND ngày 31/7/2009, Công văn số 122/UBND-NC ngày 27/3/2014 “*không phải là quyết định hành chính mang tính cá biệt của UBND cấp huyện về giao đất cho hộ ông Nguyễn Công T, mà là văn bản thông thường chỉ đạo, điều hành và giải thích pháp luật cho ông Nguyễn Công T, nên không phải là căn cứ để giao đất và cấp Giấy chứng nhận QSD đất theo quy định pháp luật*”. Ông cho rằng lập luận này là không đúng với quy định pháp luật.

+ Theo quy định tại khoản 8 Điều 2 Luật Khiếu nại 2011: “*Quyết định hành chính là văn bản do cơ quan hành chính nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước ban hành để quyết định về một vấn đề cụ thể trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước được áp dụng một lần đối với một hoặc một số đối tượng cụ thể*”.

+ Theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015: “*Quyết định cá biệt quy định tại khoản 1 Điều này là quyết định đã được ban hành về một vấn đề cụ thể và được áp dụng một lần đối với một hoặc một số đối tượng cụ thể*”.

+ Theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính 2015: “*Quyết định hành chính là văn bản do cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan, tổ chức được giao thực hiện quản lý hành chính nhà nước ban hành hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan, tổ chức đó ban hành quyết định về vấn đề cụ thể trong hoạt động quản lý hành chính được áp dụng một lần đối với một hoặc một số đối tượng cụ thể*”.

+ Hình thức văn bản của quyết định hành chính được thể hiện dưới hình thức quyết định hoặc dưới hình thức khác như thông báo, kết luận, công văn do cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan, tổ chức khác hoặc người có thẩm quyền trong các cơ quan, tổ chức đó ban hành có chứa đựng nội dung của quyết định hành chính được áp dụng một lần đối với một hoặc một số đối tượng cụ thể về một vấn đề cụ thể trong hoạt động quản lý hành chính, theo như hướng dẫn của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Với các quy định pháp luật nói trên, theo ông Thông báo số 121/TB-UBND ngày 31/7/2009, Công văn số 122/UBND-NC ngày 27/3/2014 là những quyết định hành chính cá biệt. Nên ông yêu cầu hủy Quyết định số 4571/QĐ-UBND ngày 06/8/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Q về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) và hủy Quyết định số 2142/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Q về việc giải quyết khiếu nại (lần hai).

Ngày 28/11/2023, ông Nguyễn Công T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể ông yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giải quyết: Từ hủy

Quyết định số 4571/QĐ-UBND ngày 06/8/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Q về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) thành hủy một phần Quyết định số 4571/QĐ-UBND ngày 06/8/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Q về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu). Cụ thể hủy mục 1 Điều 1 Quyết định số 4571/QĐ-UBND.

Tại phiên tòa ngày 18/12/2023, ông Nguyễn Công T thay đổi yêu cầu khởi kiện, hủy toàn bộ Quyết định số 4571/QĐ-UBND ngày 06/8/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Q về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) và Quyết định số 2142/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Q về việc giải quyết khiếu nại (lần hai).

Tại Văn bản số 2465/UBND-NC ngày 06/7/2023 người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố Q trình bày:

Ông Nguyễn Công T khiếu nại hành vi của UBND thành phố từ chối giao 01 thêm lô đất tái định cư và nộp tiền sử dụng đất theo Thông báo số 121/TB-UBND ngày 31/7/2009 và Công văn số 122/UBND-NC ngày 27/3/2014 của UBND huyện S.

Về quá trình thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ về đất, tài sản trên đất:

Nguyên trước đây, thửa đất số 122, diện tích 2.260m², thuộc tờ bản đồ số 19, thị trấn S, là của bà Võ Thị K (mẹ ông Nguyễn Công T), đã bị thu hồi với diện tích 1.987m² để xây dựng đường Tỉnh lộ 623 nối dài và được bố trí 03 lô đất tái định cư (gia đình bà K đã nhận đất tái định cư và giao mặt bằng), diện tích đất còn lại là 273m². Đến năm 2007, thực hiện dự án Khu tái định cư phục vụ cho dự án Mở rộng nút giao thông ngã tư đường T với Quốc lộ A và ngã ba S, UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 17/01/2007, thu hồi đất của tổ chức, công dân thị trấn S đang quản lý, sử dụng và ban hành Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 17/01/2007, giao cho Ban quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng cơ bản huyện Q thực hiện dự án, với diện tích 3.280m², theo đó thu hồi toàn bộ phần đất còn lại của bà Võ Thị K là 273m² (261m² xây dựng Khu tái định cư; 12m² giao UBND thị trấn S quản lý). Ngày 13/3/2007, UBND huyện S ban hành Quyết định số 294/QĐ-UBND, phê duyệt phương án và dự toán bồi thường thiệt hại giải phóng mặt bằng xây dựng Khu tái định cư mở nút giao thông ngã tư đường T với Quốc lộ A thì bà Võ Thị K được bồi thường, hỗ trợ, với tổng số tiền là 561.726.590 đồng, bao gồm: Bồi thường về đất 360.825.000 đồng (đất ở 360.000.000 đồng; đất vườn 825.000 đồng); hỗ trợ về đất 27.480.000 đồng (hỗ trợ 30% đất vườn 24.750.000 đồng; hỗ trợ đất nông nghiệp 2.730.000 đồng); Nhà cửa, VKT 152.861.790 đồng; cây cối, hoa màu 10.879.800 đồng; chính sách hỗ trợ khác 9.680.000 đồng.

Ngày 01/7/2009, UBND huyện S cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho hộ ông Nguyễn Công T đối với phần diện tích đất còn lại khi thu hồi để xây dựng

đường T, diện tích đất thực tế là 515,1m² (tăng 242,1m² so với diện tích thu hồi còn lại 273m²), loại đất trồng cây hàng năm khác tại thửa số 122, tờ bản đồ số 19. Cùng ngày 01/7/2009, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện S chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây hàng năm khác sang đất ở tại đô thị, với diện tích 515,1m² theo tờ khai đăng ký ngày 01/7/2009 của ông Nguyễn Công T.

Cùng ngày 29/7/2009, UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 318/QĐ-UBND thu hồi bổ sung phần diện tích đất tăng 242,1m², thuộc thửa số 122, tờ bản đồ số 19, thị trấn S và giao đất bổ sung cho Ban Quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng huyện Q để xây dựng Khu tái định cư phục vụ cho dự án Mở rộng nút giao thông ngã tư đường T với Quốc lộ A và ngã ba S. Đến ngày 04/8/2009, UBND huyện S ban hành Quyết định số 1573/QĐ-UBND phê duyệt phương án điều chỉnh phương án và dự toán bồi thường thiệt hại giải phóng mặt bằng được phê duyệt theo Quyết định số 294/QĐ-UBND ngày 13/3/2007, theo đó điều chỉnh từ hộ bà Võ Thị K sang tên hộ ông Nguyễn Công T và điều chỉnh giá trị bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông T là 1.172.851.000 đồng, bao gồm: Về đất là 927.180.000 đồng; nhà cửa, vật kiến trúc 219.832.250 đồng; cây cối, hoa màu 16.159.000 đồng và các khoản hỗ trợ 9.680.000 đồng. Ông Nguyễn Công T được giao 02 lô đất tái định cư, lô đất số 14, 15, tổng diện tích 187,5m² tại Khu tái định cư T (nổi dài) theo Quyết định số 76, 77/QĐ-UBND ngày 31/10/2011 của UBND huyện S và đã nhận 02 lô đất tái định cư, đồng thời Chủ đầu tư dự án đã chuyển số tiền bồi thường, hỗ trợ 1.172.851.000 đồng cho ông T tại Giấy rút vốn đầu tư ngày 28/8/2009 (theo Giấy đề nghị ngày 27/8/2009 của ông T).

Quá trình giải quyết vụ việc của ông Nguyễn Công T:

- Đối với UBND huyện S:

Sau khi phương án điều chỉnh được phê duyệt tại Quyết định số 1573/QĐ-UBND ngày 04/8/2009, Ban quản lý dự án ĐTXDCB huyện làm việc với ông Nguyễn Công T để thống nhất vị trí bố trí tái định cư, tuy nhiên ông T yêu cầu bố trí 02 lô đất tái định cư theo phương án phê duyệt tại vị trí Khu tái định cư TL 623 (nổi dài) và giao thêm 02 lô ngoài Khu tái định cư. Ngày 10/7/2009, ông Nguyễn T3 – Phó Chủ tịch UBND huyện chủ trì buổi làm việc với hộ ông Nguyễn Công T để bàn thống nhất việc bố trí tái định cư cho gia đình để thực hiện công tác bồi thường GPMB dự án khu tái định cư T (nổi dài). Đến ngày 31/7/2009, UBND huyện S có Thông báo kết luận số 121/TB-UBND, có nội dung sau: “(1) Thống nhất bố trí tái định cư tại chỗ cho hộ ông Nguyễn Công T 02 lô đất ở tại Khu tái định cư T (nổi dài); (2) Về việc ông T xin bố trí thêm đất ngoài Khu tái định cư. UBND thị trấn cơ bản thống nhất bố trí 01 lô ngoài khu tái định cư TL 623 (nổi dài). UBND huyện sẽ làm việc cụ thể với Đảng ủy, UBND thị trấn S xem xét, giải quyết theo yêu cầu của ông...Sau kết luận của chủ trì buổi làm việc, ông T đã đồng ý nhận 02 lô đất được bố trí tại Khu tái định cư

T (nổi dài), tiền bồi thường hỗ trợ và thực hiện tháo dỡ nhà cửa, vật kiến trúc, cây cối, hoa màu, đồng thời bàn giao mặt bằng đúng thời gian quy định”.

Ngày 27/02/2014, ông Nguyễn Công T có “Đơn xin cấp đất” gửi đến UBND huyện S và được phúc đáp, trả lời tại Công văn số 122/UBND-NC ngày 27/3/2014, có nội dung: “*Căn cứ theo quy định tại Điều 24, Quyết định số 66/2009/QĐ-UBND ngày 31/12/2009 của UBND tỉnh Q, nay được quy định tại Điều 27, Quyết định số 08/2013/QĐ-UBND ngày 28/01/2013 của UBND tỉnh Q về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi thì hộ ông Nguyễn Công T có diện tích đất bị thu hồi là 515,1m², đã được bố trí tái định cư 02 lô đất tái định cư theo quy định. Tuy nhiên theo Thông báo số 121/TB-UBND ngày 31/7/2009 của UBND huyện S có thống nhất bố trí thêm 01 lô đất tái định cư cho gia đình ông T nên đề nghị UBND thị trấn S xem xét cấp cho ông T một lô đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định*”. Tiếp tục ông Nguyễn Công T có Đơn đề ngày 17/4/2014, gửi yêu cầu bố trí đất tái định cư cho ông, UBND huyện S chuyển đơn đến Chủ tịch UBND thành phố Q để xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật, vì lúc này thị trấn S sáp nhập vào đơn vị hành chính thành phố Q theo Nghị Quyết số 123/NQ-CP ngày 12/12/2013 của Chính phủ.

- Đối với UBND phường T:

Ngày 09/5/2014, UBND thành phố ban hành Công văn số 1035/UBND chuyển Đơn đề ngày 17/4/2014 của ông Nguyễn Công T đến UBND phường T xem xét, giải quyết và có Công văn số 64/UBND ngày 26/5/2014, trả lời đơn ông Nguyễn Công T, có nội dung: “...*căn cứ nội dung Công văn số 122/UBND ngày 27/3/2014 của UBND huyện S về trả lời đơn yêu cầu của ông Nguyễn Công T và theo khoản 1 điều 9 Quyết định số 58/2013/QĐ-UBND ngày 24/12/2013 của UBND tỉnh Q...*” thì hộ gia đình ông Nguyễn Công T không thuộc đối tượng được xét, cấp đất ở theo quy định pháp luật. Do đó, việc giải quyết bố trí thêm cho hộ ông T 01 lô đất tái định cư là không có cơ sở xem xét, giải quyết theo quy định.

- Đối với UBND thành phố Q:

Sau khi sáp nhập đơn vị hành chính thị trấn S (nay là phường T) vào đơn vị hành chính thành phố Q thì ông Nguyễn Công T liên tục tiếp công dân định kỳ và có Đơn yêu cầu giao thêm 01 lô đất tái định cư và bồi thường bổ sung giá trị theo hệ số mặt tiền đường tính lộ 623. Qua kết quả kiểm tra, rà soát của Phòng T, UBND thành phố xét thấy việc giao thêm cho ông Nguyễn Công T, 01 lô đất có thu tiền sử dụng đất ngoài Khu tái định cư đường TL 623 là vượt thẩm quyền giải quyết; do đó UBND thành phố có Công văn số 4930/UBND ngày 13/9/2017, Báo cáo số 537/BC-UBND ngày 11/12/2017, kiến nghị: “*Quá trình thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Nguyễn Công T tại*

thời điểm năm 2009 là đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật... Căn cứ vào các quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư quy định tại Quyết định số 39/2007/QĐ-UBND ngày 31/12/2007 của UBND tỉnh Q thì việc xét giao thêm cho hộ ông Nguyễn Công T 01 lô đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất vượt thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, thành phố. Tuy nhiên, để tránh phát sinh khiếu nại kéo dài, vượt cấp; UBND thành phố kính báo UBND tỉnh xem xét, thống nhất chủ trương cho phép giao thêm cho hộ ông Nguyễn Công T (con bà Võ Thị K) 01 lô đất có thu tiền sử dụng đất”.

Xét, đề xuất của Giám đốc Sở T4 tỉnh tại Công văn số 61/STNMT-ĐDBĐVT ngày 05/01/2018 và đề nghị của UBND thành phố tại Báo cáo số 537/BC-UBND ngày 11/12/2017, UBND tỉnh Q có Công văn số 336/UBND-CNXD chỉ đạo với nội dung: (1) *Giao UBND huyện S chủ trì, phối hợp với UBND thành phố Q làm việc với hộ ông Nguyễn Công T thống nhất giải quyết dứt điểm đối với nội dung nêu tại Điểm 2 Thông báo số 121/TB-UBND ngày 31/7/2009 của UBND huyện S về ý kiến kết luận của Phó Chủ tịch UBND huyện S tại buổi làm việc với hộ ông Nguyễn Công T. (2) Trên cơ sở kết quả làm việc tại điểm 1 Công văn này, UBND thành phố Q có trách nhiệm chỉ đạo UBND phường T vận động, giải thích, xác lập hồ sơ giải quyết đơn đề nghị của hộ ông Nguyễn Công T theo quy định.*

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 336/UBND-CNXD nêu trên, UBND huyện S tổ chức cuộc họp ngày 02/5/2018 và thống nhất đề xuất giao thêm cho hộ ông Nguyễn Công T 01 lô đất có thu tiền sử dụng đất và có Báo cáo số 178/BC-UBND ngày 24/5/2018. Trên cơ sở đề xuất của UBND huyện S tại Báo cáo số 178/BC-UBND, UBND thành phố có Báo cáo số 457/BC-UBND ngày 22/8/2018, kiến nghị với nội dung: “...UBND thành phố thống nhất theo nội dung đề xuất của UBND huyện S giao cho hộ ông Nguyễn Công T 01 lô đất có thu tiền sử dụng đất; tuy nhiên, việc áp dụng Quyết định số 39/2007/QĐ-UBND ngày 31/12/2007 của UBND tỉnh Q tại thời điểm thu hồi đất thì việc xét giao thêm cho hộ ông T 01 lô đất có thu tiền sử dụng đất vượt thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, thành phố”.

Ngày 13/9/2018, Sở T4 tỉnh tổ chức cuộc họp gồm: Các thành viên Tổ tư vấn, Tổ giúp việc tham mưu UBND tỉnh được thành lập tại Quyết định số 1481/QĐ-UBND ngày 31/8/2018; đại diện UBND thành phố, UBND huyện S, đại diện UBND phường T. Trên cơ sở ý kiến thống nhất của các thành viên cuộc họp, Sở T4 tỉnh đề xuất xử lý tại Công văn số 4337/STNMT-ĐDBĐVT ngày 19/9/2018 và UBND tỉnh thống nhất chỉ đạo giải quyết tại Công văn số 5878/UBND-CNXD ngày 28/9/2018, có nội dung: “...Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu UBND huyện S và UBND thành phố Q khẩn trương thực hiện theo đúng chỉ

đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 336/UBND-CNXD ngày 19/01/2018 và ý kiến của Sở T4 tại Công văn nêu trên”.

UBND thành phố có Công văn số 5035/UBND ngày 19/9/2019, số 5776/UBND-TCĐ ngày 28/10/2019, số 1301/UBND ngày 24/3/2020 về phúc đáp, giải thích pháp luật đối với ông Nguyễn Công T được rõ: (1) Yêu cầu giao thêm 01 lô đất tái định cư và nộp tiền sử dụng đất theo Thông báo số 121/TB-UBND ngày 31/7/2009 và Công văn số 122/UBND-NC ngày 27/3/2014 của UBND huyện S là không có căn cứ pháp lý và không có chủ trương thống nhất của UBND tỉnh Q; (2) Tính hệ số tăng theo chiều rộng mặt tiền đối với diện tích đất thu hồi 515,1m² là không có cơ sở xem xét, giải quyết. Không đồng ý nội dung trả lời, giải thích của UBND thành phố, ông Nguyễn Công T tiếp tục có Đơn khiếu nại đề ngày 24/12/2019, 20/9/2020 và được Chủ tịch UBND thành phố thụ lý giải quyết tại Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 16/3/2021.

Như vậy, thửa đất số 122, diện tích 2.260m², tờ bản đồ số 19, phường T, là của bà Võ Thị K (mẹ ông Nguyễn Công T), đã bị thu hồi với diện tích 1.987m² để xây dựng đường Tỉnh lộ 623 nối dài và được bố trí 03 lô đất tái định cư thì gia đình bà K đã thống nhất nhận tiền bồi thường, đất tái định cư và giao mặt bằng thi công dự án. Phần diện tích đất 515,1m² còn lại thuộc thửa số 122, cùng ngày 01/7/2009 UBND huyện S cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho hộ ông Nguyễn Công T và Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện S chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại đô thị. UBND tỉnh Q thu hồi đất của ông Nguyễn Công T theo Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 17/01/2007, Quyết định số 318/QĐ-UBND ngày 29/7/2009 và UBND huyện S phê duyệt phương án và dự toán bồi thường thiệt hại giải phóng mặt bằng tại Quyết định số 1573/QĐ-UBND ngày 04/8/2009, theo đó điều chỉnh từ hộ bà Võ Thị K sang tên hộ ông Nguyễn Công T và điều chỉnh giá trị bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông T là 1.172.851.000 đồng và được giao 02 lô đất tái định cư, lô đất số 14, 15, tổng diện tích 187,5m² tại Khu tái định cư T (nối dài) theo Quyết định số 76, 77/QĐ-UBND ngày 31/10/2011 của UBND huyện S, là đảm bảo quy định pháp luật, cụ thể: (1) Bồi thường về đất tại Điều 6, khoản 1 Điều 8 Quyết định số 39/2007/QĐ-UBND ngày 31/12/2007 của UBND tỉnh Q; (2) Giá đất theo Quyết định số 468/2008/QĐ-UBND ngày 26/12/2008 của UBND tỉnh Q và (3) Giao 02 lô đất tái định cư tại điểm a2 khoản 1.1 Điều 39 Quyết định số 39/2007/QĐ-UBND được sửa đổi tại khoản 23 Điều 1 Quyết định số 36/2009/QĐ-UBND ngày 20/7/2009 của UBND tỉnh Q.

Quá trình vận động bàn giao mặt bằng, UBND huyện S có xem xét, giải quyết việc ông Nguyễn Công T yêu cầu giao 01 lô đất tái định cư và nộp tiền sử dụng đất vị trí nằm ngoài Khu dân cư đường TL 623 tại Thông báo số 121/TB-UBND ngày 31/7/2009, Công văn số 122/UBND-NC ngày 27/3/2014, tuy nhiên

02 văn bản này không phải là quyết định hành chính mang tính cá biệt của UBND cấp huyện về giao đất cho hộ ông Nguyễn Công T, mà là văn bản thông thường chỉ đạo điều hành và giải thích pháp luật cho ông T, nên không phải là căn cứ để giao đất và cấp Giấy chứng nhận QSD đất theo quy định pháp luật. Vụ việc ông Nguyễn Công T, UBND huyện S không chỉ đạo, giải quyết dứt điểm có đủ điều kiện giao đất tái định cư hay không, trường hợp đủ điều kiện giao đất tái định cư thì ban hành quyết định giao đất theo thẩm quyền, trong khi đó lại đề nghị UBND thị trấn S xem xét, cấp đất là trái quy định pháp luật. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến ông Nguyễn Công T liên tục gửi đơn đến các cấp và tiếp công dân định kỳ của thành phố để yêu cầu giao đất tái định cư.

UBND thành phố kế thừa kết quả giải quyết của UBND huyện S, xét thấy việc giao cho hộ ông Nguyễn Công T 01 lô đất tái định cư và nộp tiền sử dụng đất áp dụng theo cơ chế Quyết định số 39/2007/QĐ-UBND ngày 31/12/2007 và Quyết định số 36/2009/QĐ-UBND ngày 20/7/2009 của UBND tỉnh Q là vượt thẩm quyền giải quyết; do đó ban hành Công văn số 4930/UBND ngày 13/9/2017, Báo cáo số 537/BC-UBND ngày 11/12/2017, số 457/BC-UBND ngày 22/8/2018, kiến nghị UBND tỉnh Q thống nhất chủ trương giải quyết giao cho hộ ông T 01 lô đất tái định cư. Tuy nhiên, Sở T4 tỉnh có Công văn số 5087/STNMT-ĐDBĐVT, 61/STNMT-ĐDBĐVT, 4337/STNMT-ĐDBĐVT cho rằng: *“Việc hộ ông Nguyễn Công T được UBND huyện S bố trí 02 lô đất tái định cư là đảm bảo quy định. Trường hợp hộ ông Nguyễn Công T không phải là trường hợp cá biệt; do đó không có cơ sở để giao thêm cho hộ ông Nguyễn Công T 01 lô đất có thu tiền sử dụng đất. Đề nghị UBND huyện S giải quyết nội dung kiến nghị của công dân theo đúng quy định pháp luật”*, vì vậy UBND tỉnh Q ban hành Công văn số 336/UBND-CNXD ngày 19/01/2018, số 5878/UBND-CNXD ngày 28/9/2018, không có nội dung thống nhất chủ trương giao cho hộ ông Nguyễn Công T 01 lô đất tái định cư và nộp tiền sử dụng đất, mà là vận động, giải thích, xác lập hồ sơ giải quyết đơn đề nghị của ông Nguyễn Công T theo quy định.

Trên cơ sở hồ sơ và tài liệu hiện có, căn cứ các quy định của pháp luật, Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 4571/QĐ-UBND ngày 06/8/2021 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Công T, theo đó kết luận như sau:

- Bác nội dung Đơn khiếu nại đề ngày 24/12/2019, 20/9/2020 của ông Nguyễn Công T, yêu cầu: Giao thêm 01 lô đất tái định cư và nộp tiền sử dụng đất theo Thông báo số 121/TB-UBND ngày 31/7/2009 và Công văn số 122/UBND-NC ngày 27/3/2014 của UBND huyện S.

- Giữ nguyên Quyết định số 1573/QĐ-UBND ngày 04/8/2009 của UBND huyện S về phê duyệt phương án điều chỉnh phương án và dự toán bồi thường

thiệt hại giải phóng mặt bằng được phê duyệt theo Quyết định số 294/QĐ-UBND ngày 13/3/2007.

Căn cứ Luật Khiếu nại năm 2011 Chủ tịch UBND thành phố Q thụ lý và giải quyết khiếu nại lần đầu đối với các nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Công T là đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật. Lập luận, căn cứ pháp lý để giải quyết khiếu nại đều đã được nêu cụ thể trong Quyết định số 4571/QĐ-UBND ngày 06/8/2021 của Chủ tịch UBND thành phố. Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 4571/QĐ-UBND ngày 06/8/2021 là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Do đó, ông Nguyễn Công T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 4571/QĐ-UBND nêu trên là không có cơ sở.

Tại Văn bản số 2669/UBND-NC ngày 13/6/2023 người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Q trình bày:

Việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ ông Nguyễn Công T là đúng quy định pháp luật, đảm bảo quyền lợi của hộ ông Nguyễn Công T tại thời điểm thu hồi đất. Cụ thể: Bồi thường về đất đúng theo quy định tại Điều 6, khoản 1 Điều 8 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 39/2007/QĐ-UBND ngày 31/12/2007 của UBND tỉnh Q; giá đất bồi thường đúng theo quy định tại Quyết định số 468/2008/QĐ-UBND ngày 26/12/2008 của UBND tỉnh Q; được giao 02 lô đất tái định cư đúng theo quy định tại tiết a2, điểm 1.1 khoản 23 Điều 1 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 36/2009/QĐ-UBND ngày 20/7/2009 của UBND tỉnh Q (*sửa đổi khoản 1 Điều 39 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 39/2007/QĐ-UBND ngày 31/12/2007 của UBND tỉnh Q về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh*).

Đối với Thông báo kết luận số 121/TB-UBND ngày 31/7/2009 và Công văn số 122/UBND-NC ngày 27/3/2014 của UBND huyện S không có nội dung nào thể hiện UBND huyện S quyết định giao thêm đất tái định cư cho hộ ông Nguyễn Công T mà chỉ là lời hứa của lãnh đạo UBND huyện S về việc sẽ làm việc với Đảng ủy, UBND thị trấn S xem xét, giải quyết theo yêu cầu của ông Nguyễn Công T. Lãnh đạo UBND huyện, Đảng ủy, UBND thị trấn S không có thẩm quyền giao đất cho hộ gia đình, cá nhân mà thẩm quyền là của UBND cấp huyện theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật Đất đai năm 2003 (*nay là khoản 2 Điều 59 Luật Đất đai năm 2013*).

Để xử lý vụ việc, UBND thành phố Q cũng đã nhiều lần có báo cáo, kiến nghị; Sở Tài nguyên và Môi trường cũng có nhiều lần rà soát hồ sơ, báo cáo UBND tỉnh. Tuy nhiên, hồ sơ thể hiện quyền lợi về đất tái định cư của hộ ông Nguyễn Công T đã được đảm bảo đúng quy định; đây không phải là trường hợp cá biệt nên UBND tỉnh không thể cho cơ chế đặc cách giao thêm cho hộ ông Nguyễn Công T 01 lô đất có thu tiền sử dụng đất.

Như vậy, việc tái định cư cho hộ ông Nguyễn Công T nêu trên là đã đảm bảo quyền lợi hợp pháp của công dân, đúng quy định pháp luật tại thời điểm thu hồi đất. Do vậy, việc ông Nguyễn Công T khiếu nại, yêu cầu giao thêm 01 lô đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất là không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

Từ những căn cứ nêu trên, Chủ tịch UBND tỉnh Q đã ban hành Quyết định số 2142/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 giải quyết không công nhận nội dung khiếu nại lần hai của ông Nguyễn Công T đối với việc UBND thành phố Q từ chối giao thêm 01 lô đất tái định cư và nộp tiền sử dụng đất theo Thông báo số 121/TB-UBND ngày 31/7/2009 và Công văn số 122/UBND-NC ngày 27/3/2014 của UBND huyện S. Đồng thời, công nhận nội dung giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND thành phố Q tại Quyết định số 4571/QĐ-UBND ngày 06/8/2021 là đúng pháp luật.

Trên đây là ý kiến của Chủ tịch UBND tỉnh liên quan đến việc ban hành Quyết định số 2142/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 về việc giải quyết không công nhận toàn bộ nội dung khiếu nại lần hai của ông Nguyễn Công T.

Tại Văn bản số 5027/UBND-NC ngày 03/01/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND thành phố Q trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công T, ý kiến của UBND thành phố Q thống nhất như nội dung ý kiến của Chủ tịch UBND thành phố Q tại Công văn số 2465/UBND-NC ngày 06/7/2023.

Tại Văn bản số 1396/UBND-NC ngày 04/8/2023 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện S trình bày:

Thực hiện Nghị quyết số 123/NQ-CP ngày 12/12/2013 của Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện S, huyện T để mở rộng địa giới hành chính thành phố Q và thành lập phường T thuộc thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; UBND huyện S đã bàn giao toàn bộ hồ sơ địa chính của các xã, thị trấn được sáp nhập vào thành phố Q (bao gồm hồ sơ thu hồi, bồi thường hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Công T tại dự án Khu tái định cư phục vụ cho dự án Mở rộng nút giao thông ngã tư đường T với Quốc lộ A và ngã ba S) cho UBND thành phố Q. Hiện nay UBND huyện S không lưu giữ bất kỳ hồ sơ tài liệu nào để cung cấp theo đề nghị của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Tại Văn bản số 137/BC-UBND ngày 14/7/2023 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND phường T trình bày:

Qua nội dung liên quan đến yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công T yêu cầu: Huỷ Quyết định số 4571/QĐ-UBND ngày 06/8/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Q về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) đối với ông Nguyễn Công T và Quyết định số 2142/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Q về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của ông Nguyễn Công T. UBND phường T

xét thấy việc ông yêu cầu khởi kiện đối với hai quyết định trên là không có cơ sở để giải quyết.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2024/HC-ST ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 3, 4 Điều 32, Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; Điều 37 Luật Đất đai năm 2003, Điều 59 Luật Đất đai năm 2013; Quyết định số 36/2009/QĐ-UBND ngày 20/7/2009 của UBND tỉnh Q sửa đổi khoản 1 Điều 39 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 39/2007/QĐ-UBND ngày 31/12/2007 của UBND tỉnh Q về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; các Điều 18, 21, 27, 28, 29, 30, 31, 36, 38, 39 và Điều 40 Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công T về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 4571/QĐ-UBND ngày 06/8/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Q về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Công T (lần đầu).

- Hủy Quyết định số 2142/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của Chủ tịch **UBND tỉnh Q** về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của ông **Nguyễn Công T**.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/01/2024, người khởi kiện ông Nguyễn Công T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của ông.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị cho rằng, về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính trong giai đoạn xét xử phúc thẩm. Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử vụ án có căn cứ, đúng pháp luật, kháng cáo của người khởi kiện không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính: Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Công T, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và xem xét quan điểm của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, người khởi kiện ông Nguyễn Công T không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công T về yêu cầu Toà án huỷ các Quyết định số 4751/QĐ-UBND ngày 06/8/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Q và Quyết định số 2142/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Q

[3] Xét nội dung của Quyết định số 4571, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Về nguồn gốc đất:

Thửa đất 122, tờ bản đồ số 19, thị trấn S, huyện S (nay là phường T, thành phố Q) tỉnh Quảng Ngãi, theo bản đồ 299/TTg là thửa đất số 987, tờ bản đồ số 05, diện tích 1926m², loại đất T; Sổ đăng ký ruộng đất là Thửa đất số 987, tờ bản đồ số 05, diện tích 1926m², LRĐ (loại ruộng đất): T, số thứ tự 38, trang số 102, quyền số 01, chủ sử dụng đất ghi tên Võ Thị K + Nguyễn Công T (bút lục 467, 468); theo Sổ mục kê: Thửa đất số 987, tờ bản đồ số 05, diện tích 1926m², LRĐ (loại ruộng đất): T, trang số 127, quyền số 01, chủ sử dụng đất ghi tên Võ Thị K1 (bút lục 470).

Đôi chiếu bản đồ đo vẽ 2016 là thửa đất thuộc KDC 577, tờ bản đồ số 31. Đôi chiếu bản đồ đo vẽ 1996 là thửa đất số 122, tờ bản đồ số 19, diện tích 2324m², loại đất T (bút lục 476).

Ngày 31/12/2001, hộ ông Nguyễn Công T được UBND huyện S cấp giấy chứng nhận QSD đất, số phát hành U 638412, số vào sổ 02464 QSDĐ/1312/QĐ-UB(H), thửa đất số 122, tờ bản đồ số 19, diện tích 2260m² (đất T: 300m², đất vườn: 1960m²), thị trấn S, huyện S (nay là phường T, thành phố Q), tỉnh Quảng Ngãi (bút lục 321).

Ngày 14/02/2009, ông Nguyễn Công T có đơn đề nghị cấp đổi GCNQSD đất đôi với thửa đất nêu trên và được UBND huyện S cấp giấy chứng nhận QSD đất ngày 01/7/2009 cho hộ ông Nguyễn Công T, số phát hành AP 894102, số vào sổ 06693, thửa đất số 122, tờ bản đồ số 19, diện tích 515,1m² BHK, thị trấn S, huyện S (nay là phường T, thành phố Q), tỉnh Quảng Ngãi (bút lục 289).

Ngày 01/7/2009, ông Nguyễn Công T có đơn chuyển mục đích từ đất trồng cây hàng năm khác sang đất ở tại đô thị thửa đất nêu trên và được Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện S chỉnh lý trang bổ sung giấy chứng nhận QSD đất ngày 01/7/2009 (bút lục 288).

[3.2] Thực hiện Dự án Khu tái định cư phục vụ cho dự án mở rộng 02 nút giao thông ngã tư đường T - Quốc lộ A và nút giao thông ngã ba S - thị trấn S. Ngày 17/01/2007, Chủ tịch UBND tỉnh Q đã ban hành Quyết định số 82/QĐ-UBND về việc thu hồi một phần đất của tổ chức và công dân thị trấn S, theo đó, hộ bà Võ Thị K (mẹ ông Nguyễn Công T) có diện tích 1.987m² đất bị thu hồi

thuộc thửa đất 122, tờ bản đồ 19, thị trấn S (nay là phường T, thành phố Q) (bút lục 448). Ngày 29/7/2009, UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 318/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ gia đình cá nhân, giao đất bổ sung cho Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng huyện Q để xây dựng Khu tái định cư phục vụ cho dự án mở rộng 02 nút giao thông ngã tư đường T - Quốc lộ A và nút giao thông ngã ba S - thị trấn S, theo đó ông Nguyễn Công T có đất bị thu hồi là 242,1m², diện tích thu hồi thực tế theo biên bản kiểm tra thực tế là 515,1m², loại đất ở đô thị tại thửa đất số 122, tờ bản đồ số 19, thị trấn S, đã được UBND huyện S cấp GCNQSD đất số phát hành AP 894102, sổ vào sổ H 06693 ngày 01/7/2009.

Trên cơ sở diện tích đất thu hồi của hộ ông Nguyễn Công T vào ngày 29/7/2009 và biên bản kiểm tra diện tích thực tế thu hồi ngày 14/8/2009 được ông Nguyễn Công T xác nhận (bút lục 484). UBND huyện S đã ban hành Quyết định số 294/QĐ-UBND ngày 13/3/2007 về việc phê duyệt phương án và dự toán bồi thường thiệt hại giải phóng mặt bằng xây dựng Khu tái định cư mở nút giao thông ngã tư đường T với quốc lộ A; ngày 04/8/2009, UBND huyện S ban hành Quyết định số 1573/QĐ-UBND ngày 04/8/2009 phê duyệt phương án bồi thường (điều chỉnh) cho hộ ông Nguyễn Công T với tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ là 1.172.851.250 đồng (gồm: Về đất là 927.180.000 đồng; nhà cửa, vật kiến trúc 219.832.250 đồng; cây cối, hoa màu 16.159.000 đồng và các khoản hỗ trợ 9.680.000 đồng); hộ ông T được giao 02 lô đất tái định cư tại Khu tái định cư T (nổi dài).

Ông Nguyễn Công T không đồng ý nhận tiền bồi thường, không bàn giao mặt bằng mà yêu cầu ngoài 02 lô đất tái định cư tại Khu tái định cư T (nổi dài) theo phương án phê duyệt thì phải giao thêm cho hộ ông 02 lô đất. UBND huyện S đã làm việc với ông Nguyễn Công T vào ngày 10/7/2009, sau đó ban hành Thông báo kết luận số 121/TB-UBND ngày 31/7/2009 về ý kiến kết luận của đồng chí Phó Chủ tịch UBND huyện, có nội dung: *Về việc ông T xin bố trí thêm đất ngoài Khu tái định cư. UBND thị trấn cơ bản thống nhất bố trí 01 lô ngoài khu tái định cư TL 623 (nổi dài). UBND huyện sẽ làm việc cụ thể với Đảng ủy, UBND thị trấn S xem xét, giải quyết theo yêu cầu của ông*” (bút lục 441).

Ngày 10/7/2009, ông Nguyễn Công T thống nhất nhận toàn bộ số tiền bồi thường 1.172.851.250 đồng vào ngày 28/8/2009 và nhận 02 lô đất tái định cư số 14 và 15 tại Khu tái định cư T (nổi dài) với tổng diện tích 187,5m² theo Quyết định giao đất số 76/QĐ-UBND và 77/QĐ-UBND cùng ngày 31/10/2011 của UBND huyện S (bút lục 485, 482, 481, 479).

Ngày 27/02/2014, ông Nguyễn Công T có “Đơn xin cấp đất” gửi đến UBND huyện S. Chủ tịch UBND huyện S đã ban hành Công văn số 122/UBND-NC ngày 27/3/2014 trả lời ông Nguyễn Công T với nội dung: *“Căn cứ theo quy*

định tại Điều 24, Quyết định số 66/2009/QĐ-UBND ngày 31/12/2009 của UBND tỉnh Q, nay được quy định tại Điều 27, Quyết định số 08/2013/QĐ-UBND ngày 28/01/2013 của UBND tỉnh Q về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi thì hộ ông Nguyễn Công T có diện tích bị thu hồi là 515,lm², đã được bố trí tái định cư 02 lô đất tái định cư theo quy định. Tuy nhiên theo Thông báo kết luận số 121/TB-UBND ngày 31/7/2009 của UBND huyện S có thống nhất bố trí thêm 01 lô đất tái định cư cho gia đình ông T nên đề nghị UBND thị trấn S xem xét cấp cho ông T một lô đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định”.

Sau khi thị trấn S được sáp nhập vào địa giới hành chính thành phố Q, ông Nguyễn Công T tiếp tục có đơn yêu cầu UBND thành phố Q giao cho hộ ông 01 lô đất có thu tiền sử dụng đất theo nội dung Thông báo kết luận số 121/TB-UBND ngày 31/7/2009 và Công văn số 122/UBND-NC ngày 27/3/2014 của UBND huyện S trước đây. UBND thành phố Q đã trả lời, phúc đáp và giải thích pháp luật tại Công văn số 5035/UBND ngày 19/9/2019, số 5776/UBND-TCD ngày 28/10/2019, số 1301/UBND ngày 24/3/2020. Đồng thời, UBND thành phố cũng có Công văn số 4930/UBND ngày 13/9/2017, Báo cáo số 537/BC-UBND ngày 11/12/2017 và Báo cáo số 457/BC-UBND ngày 22/8/2018 kiến nghị UBND tỉnh xem xét, thống nhất chủ trương cho phép giao cho hộ ông Nguyễn Công T 01 lô đất có thu tiền sử dụng đất.

Trong thời gian này, UBND huyện S cũng đã tổ chức làm việc với ông Nguyễn Công T, UBND phường T và Phòng T vào ngày 02/8/2018. Sau đó, UBND huyện S đã có Báo cáo số 178/BC-UBND ngày 24/5/2018 và Báo cáo số 381/BC-UBND ngày 10/10/2018 với nội dung thống nhất đề xuất giao thêm cho hộ ông Nguyễn Công T 01 lô đất có thu tiền sử dụng đất.

UBND thành phố cũng có các báo cáo kiến nghị UBND tỉnh cho cơ chế đặc cách đối với trường hợp của ông Nguyễn Công T; Sở T4 đã nhiều lần rà soát hồ sơ, báo cáo UBND tỉnh về trường hợp của hộ ông Nguyễn Công T được UBND huyện S giao 02 lô đất tái định cư là đã đảm bảo đúng quy định; tuy nhiên, đây không phải là trường hợp cá biệt nên không có cơ sở để tham mưu, đề xuất UBND tỉnh giao thêm cho hộ ông T 01 lô đất có thu tiền sử dụng đất. Từ đó, UBND tỉnh ban hành Công văn số 336/UBND-CNXD ngày 19/01/2018, có nội dung: “1. Giao UBND huyện S chủ trì, phối hợp với UBND thành phố Q làm việc với hộ ông Nguyễn Công T thống nhất giải quyết dứt điểm đối với nội dung nêu tại điểm 2 Thông báo số 121/TB-UBND ngày 31/7/2009 của UBND huyện S về ý kiến kết luận của Phó Chủ tịch UBND huyện S tại buổi làm việc với hộ ông Nguyễn Công T; 2. Trên cơ sở kết quả làm việc tại điểm 1 Công văn này, UBND thành phố Q có trách nhiệm chỉ đạo UBND phường T vận động, giải thích, xác lập hồ sơ giải quyết đơn đề nghị của hộ ông Nguyễn Công T theo

quy định”. Sau đó, UBND tỉnh Q tiếp tục ban hành Công văn số 5878/UBND-CN XD ngày 28/9/2018 yêu cầu UBND huyện S và UBND thành phố khẩn trương thực hiện đúng chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 336/UBND-CN XD ngày 19/01/2018. Trong nội dung 02 văn bản của UBND tỉnh Q nêu trên không có nội dung nào thống nhất chủ trương giao cho hộ ông Nguyễn Công T 01 lô đất có thu tiền sử dụng đất như đề nghị của UBND thành phố Q. Do đó, UBND thành phố Q không thống nhất tiếp tục giao cho ông Nguyễn Công T 01 lô đất có thu tiền sử dụng đất như yêu cầu của ông.

Mặt khác, đối với Thông báo kết luận số 121/TB-UBND ngày 31/7/2009 và Công văn số 122/UBND-NC ngày 27/3/2014 của UBND huyện S mặc dù có nội dung thống nhất bố trí thêm 01 lô đất tái định cư cho gia đình ông T và đề nghị UBND thị trấn S xem xét cấp cho ông T một lô đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định. Tuy nhiên, hai văn bản này không có nội dung nào thể hiện UBND huyện S quyết định giao thêm đất tái định cư cho hộ ông T, đồng thời việc UBND huyện S làm việc với Đảng ủy, UBND thị trấn S đề nghị UBND thị trấn S giao đất cho ông T là không đúng quy định, UBND thị trấn S không có thẩm quyền giao đất cho hộ gia đình, cá nhân mà thẩm quyền là của UBND cấp huyện theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật Đất đai năm 2003 (nay là khoản 2 Điều 59 Luật Đất đai năm 2013).

Như vậy, việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ ông Nguyễn Công T nêu trên là đã đúng quy định pháp luật, đảm bảo quyền lợi của hộ ông T tại thời điểm thu hồi đất, cụ thể: Bồi thường về đất đúng theo quy định tại Điều 6, khoản 1 Điều 8 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 39/2007/QĐ-UBND ngày 31/12/2007 của UBND tỉnh Q; giá đất bồi thường đúng theo quy định tại Quyết định số 468/2008/QĐ-UBND ngày 26/12/2008 của UBND tỉnh Q; được giao 02 lô đất tái định cư đúng theo quy định tại tiết a2, điểm 1.1 khoản 23 Điều 1 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 36/2009/QĐ-UBND ngày 20/7/2009 của UBND tỉnh Q (sửa đổi khoản 1 Điều 39 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 39/2007/QĐ-UBND ngày 31/12/2007 của UBND tỉnh Q về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh).

[3.3] Tại phiên tòa, ông Nguyễn Công T trình bày, xuất phát từ Thông báo số 121/TB-UBND ngày 31/7/2009 và Công văn số 122/UBND-NC ngày 27/3/2014 của UBND huyện S, UBND huyện S đã thống nhất ngoài 02 lô đất tái định cư ông được nhận theo quy định thì UBND huyện S cũng thống nhất chỉ đạo UBND thị trấn S giao thêm cho ông 01 lô đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất. Tuy nhiên, sau nhiều lần ông có đơn yêu cầu cấp đất gửi UBND thị trấn S, UBND huyện S và sau này khi sáp nhập địa giới hành chính vào thành phố Q thì ông cũng tiếp tục yêu cầu UBND thành phố Q giao thêm cho ông 01 lô đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất nhưng UBND thành phố Q không thực hiện là

trái với Thông báo số 121/TB-UBND ngày 31/7/2009 và Công văn số 122/UBND-NC ngày 27/3/2014 của UBND huyện S; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Như đã nhận định ở trên, tổng diện tích đất thực tế bị thu hồi thửa đất 122, tờ bản đồ số 19 của hộ bà Võ Thị K (mẹ ông Nguyễn Công T) vào năm 2009 là 515,1m² (thu hồi năm 2007 diện tích 273,0m² theo Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 17/01/2007 và thu hồi năm 2009 diện tích 242,1m² theo Quyết định số 318/QĐ-UBND ngày 29/7/2009). Tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường bổ sung vào tháng 7/2009, hộ ông Nguyễn Công T được cấp 02 lô đất tái định cư theo khoản 1 Điều 39 Quyết định số 39/2007/QĐ-UBND ngày 31/12/2007 của UBND tỉnh Q: “*Trường hợp diện tích đất ở bị thu hồi có diện tích lớn hơn hạn mức giao đất ở theo quy định hiện hành của UBND tỉnh, thì tổ chức được giao nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phối hợp với UBND huyện, thành phố nơi có đất bị thu hồi căn cứ vào quỹ đất của địa phương, nhu cầu về đất ở và số nhân khẩu của hộ gia đình bị thu hồi đất, để đề nghị cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường xem xét giao thêm một phần diện tích đất ở cho người bị thu hồi đất, nhưng không vượt quá diện tích đất ở bị thu hồi*”. Như vậy, theo Quyết định số 318/QĐ-UBND ngày 29/7/2009 của UBND tỉnh Q, hộ ông Nguyễn Công T (mẹ bà Võ Thị K được thu hồi bổ sung là 242,1m² (không nêu loại đất) thuộc thửa đất 122, tờ bản đồ số 19, thị trấn S (nay là phường T, thành phố Q), được bố trí 02 lô tái định cư với diện tích là 187,5m² (242,1m²-187,5m²=54,6m²<100m²) nên không được bố trí thêm 01 lô đất tái định cư. Mặt khác, liên quan đến nội dung nêu trên, quá trình thực hiện việc giao thêm 01 lô đất có thu tiền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Công T, ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T4 và UBND tỉnh Q tại các Văn bản chỉ đạo đều thể hiện, trường hợp của hộ ông Nguyễn Công T khi thực hiện công tác thu hồi, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện dự án khu tái định cư dự án mở rộng 02 nút giao thông ngã tư tỉnh lộ 623-QL1A và nút giao thông ngã ba S thì việc UBND huyện S giao cho ông Nguyễn Công T 02 lô đất tái định cư là phù hợp với quy định của pháp luật. Việc, ông Nguyễn Công T cho rằng, UBND huyện S đã thống nhất đồng ý giao thêm cho ông 01 lô đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất tại hai văn bản là: Thông báo số 121/TB-UBND ngày 31/7/2009 và Công văn số 122/UBND-NC ngày 27/3/2014 nhưng hai văn bản này chỉ là văn bản hành chính nội bộ mang tính chất chỉ đạo điều hành, không phải là quyết định hành chính cá biệt và nội dung chỉ đạo của UBND huyện S cho UBND thị trấn S vào năm 2009 giao thêm cho ông T 01 lô đất tái định cư cũng không phù hợp với quy định của pháp luật và khi thị trấn S sáp nhập vào địa giới hành chính thành phố Q thì yêu cầu trên của ông T là vượt quá thẩm quyền của UBND thành phố Q nên UBND thành phố Q không có căn cứ giao thêm cho

ông T 01 lô đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Từ phân tích trên thấy rằng, ông Nguyễn Công T yêu cầu UBND thành phố Q giao cho ông 01 lô đất tái định cư là không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận. Từ việc không có căn cứ chấp nhận nội dung trên nên nhận thấy Chủ tịch UBND thành phố Q giải quyết khiếu nại và không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông T tại Quyết định số 4571 là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Xét nội dung của Quyết định số 2142;

Như đã nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy, việc Chủ tịch UBND thành phố Q không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Công T tại Quyết định số 4571/QĐ-UBND là có căn cứ và đúng quy định. Do đó, Chủ tịch UBND tỉnh Q giải quyết khiếu nại lần 02 không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Công T tại Quyết định số 2142/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu của ông Nguyễn Công T về hủy Quyết định 2142/QĐ-UBND là đúng.

Từ những nhận định viện dẫn nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đến Quyết định hành chính có liên quan số 1573/QĐ-UBND ngày 04/8/2009 của UBND huyện S và đã xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công T là có căn cứ và đúng pháp luật; kháng cáo của ông Nguyễn Công T không có cơ sở, không có tài liệu chứng cứ nào mới làm thay đổi bản chất nội dung vụ án nên không có cơ sở để chấp nhận, Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Công T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông Nguyễn Công T là người cao tuổi thuộc đối tượng được miễn án phí, có đơn xin miễn án phí. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định cho ông Nguyễn Công T.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính: Bác kháng cáo của ông Nguyễn Công T, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 3, 4 Điều 32, Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; Điều 37 Luật Đất đai năm 2003, Điều 59 Luật Đất đai năm 2013; Quyết định số 36/2009/QĐ-UBND ngày

20/7/2009 của UBND tỉnh Q sửa đổi khoản 1 Điều 39 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 39/2007/QĐ-UBND ngày 31/12/2007 của UBND tỉnh Q về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; các Điều 18, 21, 27, 28, 29, 30, 31, 36, 38, 39 và Điều 40 Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công T về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 4571/QĐ-UBND ngày 06/8/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Q về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Công T (lần đầu).

- Hủy Quyết định số 2142/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Q về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của ông Nguyễn Công T.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Công T được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Cường